

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2021

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vinh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 628/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện C, tỉnh T.

Chị K có đơn xin vắng mặt, anh Th vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/12/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị K trình bày: Chị với anh Th chung sống vợ chồng năm 2016, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh T vào ngày 13/4/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xảy ra xung đột, anh Th cờ bạc, không quan tâm gia đình, anh Th cờ bạc và trốn nợ, chị đã cho anh cơ hội sửa sai và hai bên gia đình can ngăn nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Trần Đình Ph, sinh ngày 16/5/2017 và Trần Ngọc Bảo T, sinh ngày 19/12/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu giao hai cháu Ph và T cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì hai cháu sống bên nội từ nhỏ, còn chị đi làm thuê ở xa. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị K có đơn xin vắng mặt. Anh Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị K và anh Th theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị K, anh Th chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh T vào ngày 13/4/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị K với anh Th là hợp pháp. Chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn như trên; vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay nên chị K yêu cầu xin ly hôn với anh Th. Nhưng anh Th cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị K nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị K có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị K và anh Th có hai người con chung tên Trần Đình Ph, sinh ngày 16/5/2017 và Trần Ngọc Bảo T, sinh ngày 19/12/2018.

Xét yêu cầu giao hai cháu Ph và T cho anh Th nuôi dưỡng của chị K, thấy rằng: Hai cháu Ph và T hiện nay đang sống ổn định với ông bà nội và anh Th. Mặt khác, theo xác nhận của Lãnh đạo ấp 9, xã L, huyện C, tỉnh T thì gia đình anh Th có đủ điều kiện nuôi dưỡng hai cháu Ph và T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu Ph và T, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao hai cháu Ph và T cho anh Th nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét anh Th không có ý kiến về việc yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi hai cháu Ph và T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này anh Th có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị K xác định tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Th không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị K ly hôn với anh Trần Quốc Th.

2. Về con chung: Giao hai cháu Trần Đình Ph, sinh ngày 16/5/2017 và Trần Ngọc Bảo T, sinh ngày 19/12/2018 cho anh Trần Quốc Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Chị Lê Thị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Án phí: Chị Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Lê Thị K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006283 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị K đã thi hành xong án phí.

5. Chị K, anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức